

Số: /QĐ-UBND

Tiên Trang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN TRANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính;

Thực hiện Công văn số 173/HCC-KSTTHC ngày 20/4/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp, ủy quyền và thực hiện cắt giảm thời gian theo chỉ đạo tại Thông báo số 91/TB-TCT ngày 17/4/2026 của Tổ công tác Đề án 06 tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tiên Trang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính

- Thực hiện cắt giảm từ 30% đến 50% thời gian giải quyết đối với một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Tiên Trang đảm bảo đúng quy trình, chất lượng giải quyết.
- Công bố kèm theo Quyết định này 57 danh mục thủ tục hành chính cắt giảm

thời thực hiện thuộc phạm vi giải quyết tại UBND xã (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Trung tâm phục vụ Hành chính công:

- Niêm yết công khai thời gian giải quyết thủ tục hành chính đã được cắt giảm.

Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy trình các thủ tục hành chính.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này. Định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND xã theo quy định.

2. Các phòng chuyên môn:

- Chủ động rà soát, thực hiện đơn giản hóa quy trình xử lý hồ sơ

- Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Công khai bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên trang thông tin điện tử của xã.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ Hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn UBND xã;
- Trung tâm Phục vụ HCC xã;
- Lưu: VT, HCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phú Dũng

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT

(Kèm theo Quyết định số /UBND-HCC ngày /5/2026 của UBND xã)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết			Tỷ lệ cắt giảm (%)
			Thời gian quy định (số ngày)	Thời gian sau cắt giảm (Số ngày)	Thời gian cắt giảm (Số ngày)	
1	1.014737.H56	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	20	12	8	40.00
2	1.014801.H56	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	5	3	2	40.00
3	2.002821.H56	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	7	4.5	2.5	35.71
4	2.002761.H56	Thủ tục xác nhận cán bộ Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo	7	4	3	42.86
5	1.013745.H56	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	30	18	12	40.00

6	1.014337.H56	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	10	6	4	40.00
7	1.014336.H56	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	10	6	4	40.00
8	1.014335.H56	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	10	6	4	40.00
9	1.014.313	Hỗ trợ kinh phí đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.	16	9	7	43.75
10	1.003956.000.00.00.H56	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	35	21	14	40.00
11	3.000494.H56	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	7	4	3	42.86
12	3.000509.H56	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	5	3	2	40.00
13	3.000510.H56	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	5	3	2	40.00

14	1.014113.H56	Xét tuyển công chức	85	45	40	47.06
15	1.003440.000.00.00.H56	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20	12	8	40.00
16	1.003471.000.00.00.H56	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	10	6	4	40.00
17	1.013997.H56	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	25	15	10	40.00
18	1.010092.000.00.00.H56	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	13	8	5	38.46
19	1.013791.H56	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	15	9	6	40.00
20	1.013792.H56	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	15	9	6	40.00
21	1.013750.H56	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	5	3	2	40.00

22	1.012969.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15	9	6	40.00
23	3.000307.H56	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	20	12	8	40.00
24	2.002639.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	3	2	1	33.33
25	2.002637.H56	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	3	2	1	33.33
26	2.002643.H56	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3	2	1	33.33
27	2.002641.H56	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	3	2	1	33.33
28	2.002649.H56	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3	2	1	33.33
29	2.002640.H56	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	3	2	1	33.33

30	1.012300.H56	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	180	90	90	50.00
31	1.012223.H56	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	20	10	10	50.00
32	1.012222.H56	Công nhận người có uy tín	20	10	10	50.00
33	3.000412.H56	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	15	8	7	46.67
34	1.011609.000.00.00.H56	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	15	10	5	33.33
35	1.010833.000.00.00.H56	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	5	3	2	40.00
36	1.010824.000.00.00.H56	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	24	15	9	37.50
37	2.002403.000.00.00.H56	Thủ tục thực hiện việc giải trình	15	8	7	46.67

38	2.002402.000.00.00.H56	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	5	3	2	40.00
39	2.002400.000.00.00.H56	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	5	3	2	40.00
40	1.008950.000.00.00.H56	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	24	12	12	50.00
41	1.008951.000.00.00.H56	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	17	9	8	47.06
42	2.001947.000.00.00.H56	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	7	4	3	42.86
43	1.004946.000.00.00.H56	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1,5	1	0,5	#VALUE!
44	2.001944.000.00.00.H56	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	15	10	5	33.33
45	1.004941.000.00.00.H56	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	15	10	5	33.33

46	2.000477.000.00.00.H56	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	7	4	3	42.86
47	2.000282.000.00.00.H56	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	10	5	5	50.00
48	1.006444.000.00.00.H56	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	7	4.5	2.5	35.71
49	1.005412.000.00.00.H56	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	45	25	20	44.44
50	1.003622.000.00.00.H56	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	15	8	7	46.67
51	2.001921.000.00.00.H56	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	7	4.5	2.5	35.71
52	1.004944.000.00.00.H56	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	5	3	2	40.00

53	2.001960.000.00.00.H56	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	20	10	10	50.00
54	1.002693.000.00.00.H56	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyên cây xanh	10	5	5	50.00
55	1.001622.000.00.00.H56	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	24	15	9	37.50
56	2.001661.000.00.00.H56	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	9	5	4	44.44
57	1.007.922	Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Chi hội nông dân tổ chức phong trào giỏi cấp xã	30	15	15	50.00
Tổng			979	549.5	430.5	43.97